

HUYỀN TÁN

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

PHẦN ĐẦU

PHẨM THÍ

DỤ

Có chia ra ba môn :

1. Trình bày vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải thích về phương nạn

Trình bày vì sao có phần này: Có hai

1) Ngài Thu Tử là bậc thượng căn nghe pháp nói đã giác ngộ. Bốn vị tánh trung căn phải nhờ vào thí dụ so sánh mới ngộ. Trên đã hóa độ thượng căn, dưới muốn giác ngộ hạng trung căn nên có phẩm này.

2) Luận chép: Từ đây trở xuống chúng sanh có đủ bảy thứ phiền não, nên nói bảy thí dụ để đối trị bảy thứ tăng thượng mạn và ba thứ người nhiễm mạn không có phiền não, tức nhiễm mạn kiến, giải thoát Tam-muội. Vì đối trị đây nói ba bình đẳng.

Lại nói ngoài là phần kinh còn lại nói rõ mười nghĩa Vô thượng, ý này còn nêu chung hết hai mươi sáu phẩm, hiểu cả ba nghĩa này. Nêu bảy thí dụ trong bảy phẩm: Một là ví dụ nhà lửa trong phẩm này. Hai là dụ gã cùng tử trong phẩm Tín hiểu. Ba là dụ mây mưa trong phẩm Dược thảo dụ. Bốn là dụ hóa thành trong phẩm Hóa thành dụ. Năm là dụ cột hạt ngọc trong phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký. Sáu là dụ cõi hạt ngọc trong búi tóc của phẩm An Lạc Hạnh. Bảy là dụ thầy thuốc trong phẩm Thọ lượng. Tùy theo thứ lớp của mỗi phẩm.

Ba bình đẳng có chín phẩm:

1. Phẩm Thí dụ.
2. Phẩm Thọ ký.
3. Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký.

4. Phẩm Thọ học vô học nhân ký.
5. Phẩm Pháp sư.
6. Phẩm trì.
7. Phẩm Đề-bà-đạt-đa.
8. Phẩm Thường bất khinh.
9. Phẩm Hiện bảo tháp.

Tám phẩm đầu đều có thọ ký, nói thừa đầu tiên bình đẳng. Một phẩm Hiện bảo tháp sau hợp nói pháp Niết-bàn, sanh tử và hai thứ thân bình đẳng.

Trong mười nghĩa Vô thượng có hai mươi một phẩm, chín Vô thượng đầu có bảy phẩm:

1. Dược thảo dụ
2. Hóa thành. Đây có Vô thượng thứ hai, thứ ba.
3. Ngũ bá đệ tử thọ ký.
4. Hiện bảo tháp.
5. An lạc hạnh.
6. Dũng xuất.
7. Thọ lượng ở đây có hai vô thượng thứ tám và thứ chín.

Trong bảy phẩm trên thì trừ phẩm thứ hai, thứ bảy, còn năm phẩm mỗi, phẩm là một Vô thượng. Phần kinh còn lại là Vô thượng thứ mười. Nghĩa là mười bốn phẩm đều là Vô thượng thứ mười, trong đó có hai lực:

1. Pháp lực.
 2. Tu hành.
- Lực pháp lực có ba phẩm:
1. Phân biệt công đức.
 2. Tùy hỷ công đức.
 3. Pháp sư công đức.

Trong năng lực tu hành lại có bảy năng lực, hợp trong mười một phẩm.

1. Trì lực có ba phẩm là Pháp sư, An lạc hạnh, và Khuyến trì.
2. Nói lực có một phẩm là Như Lai thần lực.
3. Hành khổ hạnh lực có một phẩm Dược vương.
4. Giáo hóa chúng sanh hành khổ hạnh lực cũng một phẩm là

Diệu âm.

5. Hộ chúng sanh các nạn lực có hai phẩm là Quán Âm phổ môn và Đà-la-ni.

6. Công đức thắng lực có một phẩm là Diệu trang nghiêm vương

bốn sự.

7. Hộ pháp lực có hai phẩm là Phổ Hiền và Chúc Lụy.

Mười Vô thượng sau là bảy dụ đầu. Ba bình đẳng còn lại gọi là còn lại ở trên. Cho nên trong luận này giải về bảy dụ ba bình đẳng đã nói: Tu-đa-la còn lại là nói nghĩa Vô thượng. Vô thượng thứ mười là còn lại của chín thứ Vô thượng ở trên gọi là còn lại bên dưới. Cho nên luận này giải thích nghĩa Vô thượng thứ mười rằng: Mười là thắng diệu lực Vô thượng phần kinh còn lại nói hai nghĩa còn lại.

1. Là vẫn còn lại điều chưa hề nói.

2. Nghĩa còn lại này trước tuy đã nói mà chưa hết, đối chiếu nghĩa trên lại có khác, nên nói là nghĩa còn sót lại.

Nay sợ văn rườm rà nên lược qua không nói. Trở xuống trong phẩm sau mỗi đều giải thích sơ lược. Bảy phẩm là: Dược thảo, Hóa thành, Ngũ bá đệ tử, Hiện bảo tháp, Phẩm trì, An lạc hạnh, Thọ lượng. Hoặc văn hoặc nghĩa đều trùng nói lại. Bảy dụ đó nghĩa là phàm phu hữu học là có phiền não, có bảy thứ tăng thượng nhiễm mạn, để đối trị đây mà nói bảy thí dụ này. Như chấp vào hóa thành cho là thành, thật sự tức là mong cầu Tam-ma-bạt-đề thế gian là diệt chân thật, chấp vô học đã đủ không mong cầu nữa. Người Nhị thừa vô học gọi là người không có phiền não. Có ba thứ pháp chấp nhiễm mạn, tức các pháp kiến, Tam-muội, giải thoát mà vọng chấp cho là Nhị thừa, tuy không gọi là nhiễm mà hồi tâm rồi thì gọi là Bồ-tát. Vì pháp chấp nhiễm nên Bồ-tát này gọi là nhiễm, không có phiền não mạn. Luận nghĩa ngược lại, ý cũng như thế. Nghĩa Vô thượng ở trong Đại thừa có thể nói là có, các thừa khác thì không. Do đây mà Ba thừa nói có khác nhau, giáo lý hạnh quả đều có khác. Luận dẫn lời Phật nói: “Không lia thân ta là nghĩa Vô thượng.” Trong Nhị thừa không nói nghĩa này nên không thể hiểu. Do đây, Vô thượng tức là giáo, lý, hạnh quả nhất Nhất thừa. Tùy theo thích ứng mà phối hợp các phẩm. Bảy thứ chúng sanh có đầy đủ phiền não. Thứ nhất là người cầu thế lực khởi lên điên đảo bậc nhất, cầu công đức tăng thượng mạn. Vì phiền não lừng lẫy ở thế gian mà cầu cảnh đẹp quả báo trời người. Vì hạng này nói thí dụ nhà lửa. Được giàu sang tự tại thì gọi là thế lực. Nghĩa là phàm phu cầu diệu cảnh trời người này. Ngoại quả cùng nội quả báo. Không biết là phiền não như lửa cháy dữ dội. Vì đây mà nói dụ nhà lửa. Thế lực phiền não của trời người thiêu đốt như nhà lửa. Thế tôn này nói có hai xe: Tức đối người có hàng gốc lành Tam muội Bồ-đề thế gian mượn tạm giải cứu để cho ra khỏi nhà lửa. Sau đó dần dần dắt dẫn vào Niết-bàn Đại thừa. Cho nên luận nói người

thứ nhất là hạng gốc lành Tam muội công đức ở thế gian, dùng phương tiện khiến họ ưa thích, sau đó dẫn nhập Niết-bàn. Trong đây không nói trong đạo giải thoát. Chánh chứng sanh không trạch diệt, chân trí gọi là Tam muội thế gian. Tạm giải cứu đây là xe nai xe hươu chẳng phải là thể của xe. Từ quán kia về sau nhập định thế gian quán các sở chứng trước đã dùng. Tâm thô cho nên không thấy chánh trí và sanh không như, bèn thấy hoặc nghiệp, khổ sau không sanh, tâm liền biến chuyển, thành tướng giải thoát Niết-bàn. Chánh trí sở chứng căn bản trong quán mà đặc trạch diệt. Ở dưới gọi là hóa thành mà không nói mượn quán sở biến ra thành, nên không dứt khổ. Nay nói thời sau ở giai vị hậu đặc trí mà năng biến tướng giải, gọi là gốc lành Tam muội của thế gian, khinh an, ưa thích các thứ công đức tạm gọi là xe dê xe hươu, tạm gọi là chủng trí, cho chúng “dạo chơi” sau đó, hóa độ Nhất thừa mới khiến nhập Phật Đại Niết-bàn, đến địa vị Phật. Có thể nhập vào xe trâu, tức là nhị trí, tức là Bồ-đề. Chỗ nhập của Niết-bàn tức là Đảo châu báu. Hóa thành là dụ cho người Nhị thừa chấp vào hoặc khổ kia không sanh nên cho là Niết-bàn. Lý thật Niết-bàn trung đạo giải thoát là chánh trí chứng. Cho nên nói nhập hóa thành, các người đi buôn đều mỗi một. Các trí trước sau đều không rõ được tất cả pháp. Thật chẳng phải là chủng trí. Nói xe dê, xe hươu có tên mà không thấy bước lên. Nói gốc lành Tam muội thế gian này là cho để dạo chơi. Nhị thừa chấp vào đây cho là hai xe, thật chẳng phải là thể của xe. Như Nhị thừa là nơi sẽ khởi lên bốn điên đảo. Chánh quán thì không như vậy. Sau mới tướng giải thoát duyên này mà khởi chấp. Hóa thành cũng vậy. Nay vì đối trị mà cầu người thế lực, điên đảo cầu công đức tăng thượng mạn. Nói thí dụ xe này cho nên có phẩm này. Các nghĩa khác đều giải thích trong phẩm.

Giải thích tên phẩm: Thí là so sánh là giống loại như. Trong Ngọc Thiên chép: So sánh giống như lấy tướng làm rõ, dụ là mở bày cho rõ. Lại nói làm rõ để can ngăn. Nay nêu cận tích thế gian so sánh với chỗ thâm sâu của xuất thế, để mở bày những điều chưa nói dùng làm rõ những điều còn mê trước. Làm rõ thí của dụ gọi là phẩm Thí dụ. Hoặc thí tức là dụ nên gọi là phẩm Thí dụ.

Giải thích sự chướng ngại:

1. Hỏi: Ở đây dùng thí dụ để hiểu lý gọi là phẩm Thí dụ, trước dùng thẳng pháp làm rõ lẽ ra gọi là phẩm Pháp?

Đáp: Lí trước sau nêu, thật ra cũng nên như thế. Đặt tên phẩm khác nhau đâu nói hết được lý do. Chỉ vì phương tiện trong phần pháp nói là nghĩa riêng, còn thí dụ trong nghĩa so sánh là tên chung. Chung,

riêng đã khác thì được gọi là theo riêng, chưa thể cùng nêu.

2. Hỏi: Vì sao bầy dụ chỉ ở đây là có tên phẩm thí dụ những dụ khác thì có tên khác.

Đáp: Dụ tuy có bầy mà đây là đầu tiên. Tuy nêu tên chung mà cũng là tên khác, các phẩm khác không thể chỉ gọi là thí dụ.

3. Hỏi: Hạng trung căn lãnh, ký, nêu riêng Tín hiệu. Hàng thượng căn được thọ ký theo lý lẽ ra có phẩm riêng. Vì sao đầu phẩm này nói về sự thọ, ký của ngài Thu Tử?

Đáp: Hàng trung căn, được thọ ký văn rộng nghĩa dài, cho nên khai riêng. Thu Tử không như vậy nên dựa vào phẩm này nói. Lại nữa, nhân ngài Thu Tử được thọ ký mà khởi thỉnh, Phật mới trình bày thí dụ so sánh. Cho nên dựa vào đầu phẩm này mà nói về được thọ ký.

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến được điều chưa hề có cho đến”

- Tán: Phẩm này đại văn chi làm hai:

1. Ngài Thu Tử nghe pháp lãnh hội vui mừng thuật lại mình thành tựu được thọ ký.

2. Sau Phật rộng dùng thí dụ hóa độ hạng trung căn.

Văn đầu thuộc châu thứ nhất pháp nói trước nói về Nhất thừa. Châu đầu có bốn, trong phần pháp nói ở trên đã nói rồi, từ đây trở xuống là châu thứ hai ngài Thu Tử nghe pháp lãnh giải tự trách rồi sanh tâm vui mừng, trong đây có hai phần: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi chia làm hai:

1. Nghe pháp vui mừng.

2. Giải thích lý do vui mừng.

Theo thế tục giải thích thì gọi là dững khiêu (kiểng chân lên mà nháy), chỉ sự vui mừng cực độ. Nghe được chân đạo khởi lên quyền pháp cho nên hơn hởi vui mừng tức vừa ý mong cầu vui mừng. Đây biểu thị phát đại tâm nên liền đứng dậy. Tâm khế hợp với lời Phật nói nên chấp tay nhất tâm vì thỉnh lợi ích, chiêm ngưỡng tôn nhan bày tỏ bồn hoài của mình cho nên nói bạch Phật.

Tiếng pháp tức là ngôn giáo Đại thừa, từng chưa nghe được điều chưa hề có. Lại do ba nghĩa mà vui mừng:

1. Nghe Phật nói pháp tâm an như biển. Biết Phật không phải ma cho nên vui mừng.

2. Nghe pháp nhất thật ngày nay mà hiểu pháp ba quyền ngày trước. Ba là do một mà có cho nên vui mừng.

3. Nghe Phật nói pháp nói một ngàn hai trăm vị La-hán cũng sẽ

thành Phật, cho nên vui mừng.

- Kinh: “Vì sao cho đến vô lượng tri kiến.”

- Tán: Giải thích lý do vui mừng. Có bốn:

1. Vì mất đại pháp nên than thở.
2. Ở bậc Tiểu thừa mà khởi vui mừng.
3. Vui mừng vì nay nghe pháp mà não buồn hết.
4. Biết Phật tử mà đạo thành.

Đây nói phần đầu.

Dự là nhập là then chốt. Ngọc Thiên nói: trước dự làm, bị là dự là sớm, thiết vận nói nếu dặt làm dự (bộ tượng), lễ ra viết dự (bộ hiệt), nhĩ nhĩ viết Dự bộ Hiệt, đãi và dữ. Cổ văn là dữ. Tả truyện chép: Công phải là dữ.

Cảm thương là kích động, than thở. Xưa nghe Bồ-tát được các việc thọ ký như thế mà ta không được dự vào. Xưa nghe Phật thọ ký mà không được thọ ký, cho nên cảm thương than thở mình mất đi năm thứ tri kiến của Như Lai. Hoặc mất trí tánh, tri kiến trí tướng của Như Lai.

- Kinh: “Thế tôn! Con thường ở chỗ một mình cho đến mà tế độ.”

- Tán: Ở bậc Tiểu thừa mà khởi lời than. Có hai: Đầu tiên than trụ ở tiểu. Sau tự trách thân.

Thường tức là hằng. Mỗi có nghĩa là sắc, là thường, chẳng phải từ nhất định, nhập nghĩa là chứng, pháp tánh là vô ngã chân như. Những người kia cùng chứng, ta cùng Bồ tát đều có thể chứng nhập Vô ngã chân như. Vì sao Như Lai chỉ dùng Tiểu thừa mà được độ thoát. Hoặc tánh gọi thể. Đồng nhập vào thể Phật pháp.

- Kinh: “Lỗi của chúng con chẳng phải là của Thế tôn “

- Tán: Đây là lời tự trách mình. Có ba: Đầu tiên nêu ra, kế là giải thích, sau là thành tựu ở đây nói phần đầu.

Cửu là lỗi là tội. Người làm việc trái ngược thì gọi là lỗi.

- Kinh: “Vì sao cho đến mà được độ thoát.”

- Tán: Đây giải thích lý do.

Sở nhân là nhân hạnh thành tựu Đại Bồ-đề. Nghĩa là bốn hạnh Bồ tát ở Thất địa.

1. Bồ-đề phần;
2. Ba-la-mật;
3. Các thần thông;
4. Thành tựu hữu tình.

Cho nên ngài Ca-diếp nói: Đối với pháp Bồ-tát, du hý thần thông,

tịnh cõi nước Phật thành tựu chúng sanh mà tâm không ưa thích, thế nên nhân Chánh giác tức là bốn hạnh này.

Đãi nghĩa là trông mong theo, khao khát, hi vọng, ngài Thu tử nói: Nếu chúng con mong đợi, khao khát, hi vọng nhân Chánh giác Vô thượng thì Phật chắc chắn dùng pháp Đại thừa mà thấy chúng con để độ thoát, chỉ cho chúng con ở trong nhân Đại thừa mà không sanh lòng mong cầu cho nên Phật không dùng pháp Đại thừa để cứu thoát. Hoặc nhân nghĩa là tâm Bồ-đề lược có ba:

1- Nhàm chán xa lìa pháp hữu vi.

2- Cầu Bồ-đề.

3- Rất nghĩ nhớ chúng sanh.

Tức là trụ như thế, tu hành như thế, là hàng phục tâm như thế.

- Kinh: “Nhưng chúng con cho đến suy nghĩ chứng lấy lấy .”

- Tán: Đây là thành tựu lời tự trách. Nhưng do chúng con không hiểu phương tiện của Phật, tùy nghi mà nói các pháp. Đầu tiên nghe liền tin liền thọ trì suy nghĩ chứng lấy, cho nên Phật không dùng pháp Đại thừa để độ. Đây là do lỗi của chúng con.

- Kinh: “Thế tôn cho đến rất được an ổn.

- Tán: Hôm nay nghe pháp vui mừng dứt hết phiền não.

Khắc nghĩa là chuyên. Từ xưa đến nay tu Tiểu thừa chuyên tự hối hận trách mình không cầu Đại thừa. Lại nghi mình không có phần đắc Bồ đề nên không sanh ưa thích tiến tới. Hoặc tự thân đã được giải thoát không khác với Phật, nghe Phật nay nói pháp tự đắc rất sâu khó hiểu. Người Nhị thừa không tỏ ngộ nghi Phật là ma. Nay nghe nói về nhất thật Ba thừa biết xưa tu Tiểu là nhân của Đại cho nên hối hận đoạn dứt, biết mình cũng có phần Bồ-đề thành Phật, đắc giải thoát trước là phương tiện của Phật, vì thế nghi cũng đoạn dứt, tâm khai ý giải thân ý thư thái, an nhiên. Đã không nghi hối nên rất an ổn, có nghi hối thì thân tâm thường không an ổn làm sao được thư thái, an nhiên ?

Hỏi: Nghi sanh ra phân biệt. Nhập Kiến liền dứt trừ. Hối phần nhiều có ưu. Lìa dục liền xả, sao ngài Xá-lợi-phất đến châu thứ hai mới trừ.

Đáp: Phiền não Nghi thì Dự lưu đã hết phiền não là bạn với hối, lìa dục đã dứt. Nay loại pháp chấp dị thực sanh nghi như A-la-hán nghi bốn Mặc diệm, nghi ở sự ác tác dị thực sanh nghi gọi là hối chưa rõ ràng ở lý. Thể của ác tác này tức là gốc lành quý (tâm quý), khinh chống lại sự bạo ác. Hoặc là nhàm chán. Tức một phần của tuệ gồm có vô tham. Cũng tức là tâm tâm sở tỉnh sát, chỉ vì hối thì tánh tướng sẽ thô động.

Lìa đục xả, lìa đục có hối chắc chắn là ác tác, nói tên hối là từ quả đặt tên, đâu có lìa đục rồi mà không nhằm chán ác!

- Kinh: “Ngày nay mới biết cho đến được pháp phần của Phật”.

- Tán: Biết là Phật tử mà đạo thành.

Du-già quyển tám mươi bốn có sáu câu: “Nghĩa là Đại sự tử từ bụng Phật sanh ra, từ miệng Phật sanh ra từ pháp Phật hóa, từ Phật được hóa sanh, đặc pháp phần bình đẳng”. Kinh Thắng-man chép: Được của còn lại của Phật, đây có bốn câu.

Luận Du-già giải thích: Đầu tiên là câu chung. Năm nghĩa sau là câu riêng. Từ bụng sanh ra là để phân biệt con dị sanh thấp kém. Đặc trí tuệ Thánh đạo từ bụng Phật đích thân sanh ra. Chẳng phải như phàm phu là con nuôi của Phật. Tất cả chúng sanh đều là Phật tử. Nếu không đích thân sanh thì không phải từ bụng Phật sanh ra. Từ Phật pháp sanh ra, mới thật là chân sanh. Lại Nhị thừa chẳng phải từ mẹ sanh con mà như người hèn hạ sanh con. Nên kinh dưới nói: Nếu như con ta, Bồ-tát Sơ địa sanh vào nhà Như Lai mà chứng pháp giới, đó là con từ mẹ sanh ra. trước chẳng phải từ mẹ sanh ra thì gọi là không phải từ bụng sanh. Nay phát đại tâm, sẽ thành Bồ tát trong pháp giới nói chung là từ bụng sanh.

Từ miệng Phật sanh ra đó là từ pháp âm của Phật nói mà sanh ra. thể tức là văn tuệ, duyên với giáo mà sanh ra.

Từ pháp Phật sanh: Như lý tác ý từ chỗ tùy pháp hành pháp mà sanh. Thể thuộc về hai Tư và Tu tuệ lý, duyên với giáo tùy thích ứng sanh. Phật pháp sở hóa đó là từ pháp thân hiển bày mà lập pháp tương tự.

Pháp thân lộ là hai nhân phước tuệ của Bồ-tát. Ta cũng như thế. Từ hai nhân đó mà thành lập ra, pháp thân có hai: Hai nghĩa Tiểu thừa Đại thừa đều khác nhau. Đặc các pháp phần cho đến đó là thọ dụng pháp tương tự tài bảo pháp vô lậu. Pháp là pháp bảo. Hoặc là bảy Thánh tài là tín, giới, văn, xả tuệ, tầm quý v.v... phần là dự phần là phần loại. Chư Phật Bồ-tát có thể dùng pháp tài, nay con cũng vậy, cùng tương tự kia cũng đặc thọ dụng các phần khác của pháp bảo vô lậu. Tùy theo thích ứng như vị nhị thừa so với phàm phu đã dạy là một lớp, thật là Phật tử. Nay làm Bồ-tát so với vị Nhị thừa lại dạy là một lớp, bình đẳng thật là Phật tử có thể như lý mà giải thích. Kia lại giải thích: Các câu nói như thế là nói lên tăng thượng sanh tròn đầy và pháp tương tự như cha, sanh tròn đầy. Trong năm câu sau thì ba câu trước là tăng thượng tròn đầy. Hai câu sau pháp tương tự như cha sanh ra tròn đầy. Tăng thượng sanh

ra tự thể thắng sanh.

Pháp tương tự như cha sanh ra là mặc di thể của cha, dùng gia tài của cha đều là tương tự. Trong tăng thượng sanh thì câu đầu là ngăn ngừa lỗi. Chánh trí từ bụng Phật sanh ra, ngăn ở trong thế gian sanh vào bào thai xấu ác.

Câu thứ hai là ngăn sanh ra từ tinh huyết bất tịnh. Từ miệng Phật sanh ra chẳng phải lấy tinh huyết làm tự thể.

Câu thứ ba là ngăn dục tham chẳng phải từ chánh pháp sanh ra. phàm phu do từ giúp nhuần của dục tham mà sanh ra, chẳng phải sanh ra từ chánh pháp.

Câu thứ tư là hiển pháp tương tự tự thể. Từ pháp thân lộ mà được thành lập nối dõi tự thể. Pháp thân thù thắng, như nối tiếp chủng tánh Bà-la-môn thành lập sự tôn quý.

Câu thứ năm: Thọ dụng pháp tương tự. Thọ dụng pháp tài của Phật vô lậu như thọ dụng tài sản cha mẹ ở đời. Trong đây có bốn điều liên quan đến câu thứ hai. Hợp hóa và sanh chung thành một câu. Xưa trụ vào quyền chẳng phải chân Phật tử. Nay cầu vị thật mới là từ bụng Phật sanh. Đây là đại ý của văn kinh này.

Nhiếp Luận chép: Chẳng phải Nhị thừa là con của gái vô trí thấp kém. Lại có nghĩa rằng: Riêng phối hợp bốn đoạn trên lãnh hội bốn nghĩa: Khai, thị, ngộ, nhập ở trước. Như tiếp tìm hiểu kỹ thì thấy về lý chưa hẳn như thế!

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến lưới nghi đều đã trừ.”

- Tán: Hai mươi lăm hàng tụng rưới, chia làm hai:

1. Hai hàng rưới tụng nêu ra.
2. Hai mươi ba hàng tụng giải thích.

Phần một lại chia hai: Một hàng nêu ra được điều chưa hề có tâm vui mừng dứt nghi.

Một hàng rưới giải thích được điều chưa hề có, nói ưu hối hết. Xưa nghi tự thân mình không thể thành Phật. Nay nghe được thành Phật nên nghi trừ. Nghi làm tổn hại chúng sanh khó thể xa lìa nên thí dụ là lưới nghi.

- Kinh: Xưa nay nhờ Phật dạy cho đến nghe cũng trừ ưu não”

- Tán: Giải thích: Đặc điều chưa hề có, rõ ưu hối hết, có từ xưa đến nay nhờ Phật giáo hóa. Nghĩa là trụ Tiểu thừa mà không được Đại thừa. Cho nên, ưu hối. Nghe Phật nói kinh này ngày nay mới biết là mình không mất pháp Đại thừa. Do đây mà hối hết, pháp âm Phật ít có, diệu dụng có thể trừ hết phiền chương ưu não của chúng sanh. Con tuy

lậu tận mà nay nghe pháp cũng hàng phục pháp chấp ưu não. Ưu ở đây là lo không thành Phật.

1. Tức là lo (ưu) pháp chấp, lia dục không bỏ. Như Tất-lan-đà-phiệt-mãng lời thô ác huân tập pháp chấp không bỏ. Đồng như nghi hối trước tùy ứng cũng vậy.

2. Thật là ưu đó: Tức ác tác đều có nhằm chán xả thọ. Vì tên ưu nói hoặc là thiện căn ưu, vô ký thuộc loại pháp chấp, lia dục không bỏ. Ưu tương ứng với não. Não tức là ưu hối chẳng phải phiền não.

- Kinh: “Con ở trong hang núi, cho đến sao lại tự khi mình” cho đến

- Tán: Các tụng này giải thích phần trước, chia ra làm bốn:

Hai hàng tụng rưỡi đối với Tiểu thừa mà than thân.

- Năm bài rưỡi tụng mất Đại pháp mà khởi trách.

- Mười bốn hàng kệ là tụng vui mừng nghe pháp mà hết não.

- Một hàng sau tụng biết là Phật tử mà đạo thành. Cùng với Văn xuôi trước thì trước sau khác nhau.

Trong phần đầu có hai: Một hàng tụng rưỡi tụng về than ở vị Tiểu thừa. Một hàng sau tụng việc đã than. Đây là phần đầu.

Ô hô là lời than thở. “Sao lại tự khi mình”; là khinh thường. Than mình tiểu trí trụ chứng tiểu quả, không cầu vị Đại. Cho là mình không có phần nên gọi là tự khinh.

- Kinh: “Chúng ta cũng Phật tử cho đến giảng nói Vô thượng đạo.”

- Tán: Một hàng tụng việc đã than. Pháp vô lậu là pháp tánh chân như. Nhập nghĩa là chứng, lý tuy đồng chứng đều gọi là Phật tử. Vô trí có thể tương lai thành Phật vì chúng sanh mà giảng nói chánh đạo Đại thừa.

- Kinh: “Sắc vàng ba mươi hai tướng sắc vàng cho đến mà không được việc này cho đến”

- Tán: Năm hàng rưỡi tụng than thở vì mất Đại pháp, chia làm hai:

- Ba hàng rưỡi tụng chỗ mất Đại pháp.

- Hai hàng tụng sau tự than thở.

Trong phần đầu lại có hai: Hai hàng tụng đức trang nghiêm trong ngoài. Một hàng rưỡi sau tụng về đức danh lợi cao rộng. Trong hai hàng tụng về đức lại chia làm hai: Một hàng tụng đầy đủ tướng đức hàng phục ma. Một hàng sau tụng đầy đủ đức bất cộng.

Ba mươi hai tướng sắc vàng là: Thân Phật màu vàng tía sắc vàng.

Ba mươi hai tướng đó là theo kinh Đại Niết-bàn quyển ba trăm tám mươi mốt.

Phật bảo Thiện Hiện: Thế nào là ba mươi hai tướng của Như Lai.

1. Dưới chân có tướng bằng phẳng, khéo léo an trụ giống như đáy hộp. Đất tuy cao thấp mà chân vẫn tùy theo đó mà bước lên thản nhiên an lành.

2. Dưới chân Thế tôn có hình bánh xe ngàn căm, các tướng vành trục đều đầy đủ.

3. Tay chân Phật đều mềm mại, như Đô-la-miên hơn hẳn tất cả.

4. Tay chân Thế tôn ở giữa các ngón, đều có mạng lưới như chim nhọn. Các đường sắc vàng giao nhau xoắn vặn như là hình lụa.

5. Tay chân Thế tôn có các ngón thon dài đầy đủ rất đáng ưa thích.

6. Gót chân Như Lai rộng dài tròn đầy. Cùng mu bàn chân đầy đặn hơn hữu tình khác.

7. Mu bàn chân cao lên đầy đặn, mềm mỏng tốt đẹp gót tương xứng.

8. Hai bắp vế tròn đầy, như cửa nai đầu đàn tiên Ī-ni-da.

9. Hai tay dài quá gối.

10. Âm tướng ẩn kín, như long mã, như voi đầu đàn.

11. Các lỗ chân lông thường ánh ra sắc sanh, trên mỗi lỗ đều có một sợi lông mềm mại xoay về bên phải.

12. Tóc lông thẳng đứng uốn về bên phải, mềm mỏng màu sanh biếc, toàn thân sắc vàng người thấy đều yêu thích.

13. Da mỏng mịn, các nước dờ không bám vào.

14. Da thân đều màu sắc vàng ròng, ánh sáng tỏa chiếu sáng diệu như đài vàng, đầy đủ các thứ báu trang nghiêm, rất thích nhìn.

15. Hai chân hai tay cổ và hai vai đều đầy đặn.

16. Vai cổ tròn đầy đặc biệt.

17. Hai nách đầy đặn.

18. Dung nghi đẹp đẽ trang nghiêm.

19. Thân tướng trang nghiêm cao lớn.

20. Thở tướng rộng dài cân đối, vùng quanh thân tròn đầy như Nặc-cù-đà.

21. Oai nghiêm như sư tử đầu đàn.

22. Ánh sáng thường phát ra từ khuôn mặt chiếu xa một tầm.

23. Răng đủ bốn mươi cái bằng đều sạch, khít khao, chắc chắn và trắng như tuyết kha.

24. Bốn răng cửa sạch trắng đều nhọn.

25. Nước bọt có mùi thượng vị, dẫn thẳng tới cổ họng làm cho gân cốt trong cơ thể đều có mùi thượng vị. Các bệnh gió nhiệt không thể xâm nhập.

26. Lưỡi rộng mỏng, sạch, dài có thể che trùm khuôn mặt đến tận mí tóc. Lời nói hòa nhã, tùy chúng nhiều ít đều được nghe như nhau.

27. Giọng nói trong trẻo vang xa như trống trời, lời lẽ nhỏ nhẹ như giọng Tần-già.

28. Mí mắt như trâu đầu đàn, màu sanh biếc ngay thẳng không lẫn lộn.

29. Tròng mắt sanh trong sáng, phân minh rõ ràng

30. Mặt tròn như trăng đầy, tướng lông rõ sạch như cung tên của Thiên đế.

31. Giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng, mềm mại xoay về bên phải, phát ra ánh sáng trong sạch hơn cả tuyết kha.

32. Trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao lên như lọng trời.

Thiện Hiện! Đó là ba mươi hai tướng của Thế tôn.

Y theo văn kinh nói kệ chung rằng:

*Vòng lưới hoa văn nhuyễn
Mu bàn chân đầy đặn
Chân lông đẹp nhuận trơn
Da bảy báu vai đầy.
Bàn chân rộng bằng phẳng
Răng đủ như sư tử
Răng, vị, lưỡi, âm, mi*

Mắt có hào tướng che. Nếu theo Du già thì khác với ở đây, trong Du-già là nói nghiệp của nhân, sợ văn rườm rà nên thôi, như văn ấy nêu nói:

*Gót chân tròn bằng đầy
Màng lưới, vế không lớn
Thế thân trên ánh sáng
Sanh xương vàng bảy chỗ
Vai sư tử bằng thẳng
Răng đủ không hở trống
Hàm rộng, vị trong trẻo
Tướng đảnh như trâu chúa.*

Đây đều là lấy chỗ nương của mắt, tai, bốn căn của thân nam và thệit căn làm thế. Mười lực giải thoát như trước đã giải thích. Ngài Thu

tử tự than đồng chung một pháp Phật mà không được việc này.

- Kinh: “Tám mươi loại diệu tốt cho đến mà ta đều đã mất.”

- Tán: Tốt đẹp đầy đủ bất cộng đức. Tám mươi tướng đẹp.

Kinh Bát-nhã chép: Phật bảo Thiện Hiện: Thế nào là tám mươi vẻ đẹp ứng Chánh Đẳng giác của Như Lai? Này Thiện Hiện! Đó là:

1. Móng tay thon dài, mỏng bóng như hoa đồng đỏ.
2. Ngón tay ngón chân thon thẳng, dài mềm mại, xương không nổi lên.
3. Tay chân xứng nhau, các ngón khi khép lại đầy kín.
4. Tay chân sáng bóng tươi hồng như hoa sen.
5. Xương cốt chắc chắn ẩn sâu không hiện.
6. Hai mắt cá ẩn.
7. Bước đi thẳng tới trước, khoan thai oai nghi như rồng, voi đầu đàn.
8. Bước đi uy nghiêm ngay thẳng như sư tử vương.
9. Bước vững vàng như trâu đầu đàn.
10. Đi đứng nằm ngồi uyển chuyển thanh nhã như ngỗng đầu đàn.
11. Quay nhìn đều bên phải như rồng voi nhắc mình khi di chuyển.
12. Các khớp tay chân đều đặn tròn đẹp.
13. Đốt xương liền lạc như rồng cuộn.
14. Đầu gối tròn đầy, khéo an bố chắc chắn tròn đầy.
15. Chỗ kín có hoa văn uy thế diệu hảo tròn đầy thanh tịnh.
16. Các chi thân tròn mềm sạch tịnh, không bám bụi trần.
17. Thân hình mạnh khoẻ không yếu đuối.
18. Các chi cứng rắn đầy đặn, khéo phụ thuộc nhau.
19. Các chi an định, không thô động, tròn đầy không hư hoại.
20. Thân như vị tiên vương, toàn thân đoan trang sáng sạch.
21. Ánh sáng bao quanh thân thường chiếu sáng, khi đi thường tự chiếu sáng.
22. Bụng vuông vắn, không thiếu sót, các tướng trang nghiêm, mềm mại.
23. Rún xoay bên phải, sâu xuống lại tròn đẹp thanh tịnh.
24. Rún đầy không lõm không lồi, vòng quanh rất đẹp.
25. Da thịt không gẻ lở.
26. Bàn tay mềm mại, lòng bàn chân bằng phẳng.
27. Chỏ tay sâu dài, rõ ràng.

28. Môi đỏ thắm bóng mềm. Như trái tần-bà, trên dưới xứng nhau.
29. Mắt không dài không ngắn, không lớn không nhỏ, trang nghiêm vừa vặn.
30. Lưỡi rộng dài mềm mỏng. Như màu đồng đỏ
31. Âm thanh oai dũng, trong suốt vang xa, như voi đầu đàn rống.
32. Âm vận tốt đẹp như tiếng vang từ hang sâu.
33. Sống mũi cao thẳng, lỗ kín.
34. Răng ngay thẳng đều đặn trắng bóng.
35. Răng trắng sáng, tròn bén.
36. Mắt tròn đen trắng rõ ràng.
37. Tướng mắt dài rộng, giống như cánh hoa sen sanh.
38. Long mi trên dưới ngay thẳng, khít khao không bạc.
39. Hai chân mày dài nhuyễn mịn, không bạc.
40. Hai mi sanh biếc như màu lưu ly.
41. Hai chân mày xa mắt và cong như trăng lưỡi liềm.
42. Vành tai rộng lớn, trái tai dày thòng xuống.
43. Hai vành tai bằng nhau, không khuyết tật.
44. Dung nghi khiến người nhìn thấy đều sanh lòng kính mến.
45. Trán rộng bằng phẳng, hình dáng đẹp đẽ.
46. Nửa trên thân tròn đầy như sư tử đầu đàn, oai nghiêm không gì so sánh.
47. Tóc dài đen sanh, dày không bạc.
48. Tóc thơm thanh khiết, nhuyễn bóng xoay về bên phải.
49. Tóc suôn không rối, cũng không đan nhau.
50. Tóc cứng, không bị đứt rụng.
51. Tóc trơn bóng bụi bặm không dính.
52. Thân hình đầy đặn vững chắc, hơn Na-la-diên
53. Thân cao lớn ngay thẳng.
54. Các khiêu thanh tịnh tròn đẹp.
55. Có sức mạnh hơn người.
56. Thân tướng ai cũng thích nhìn.
57. Mắt như trăng tròn mùa thu.
58. Dung mạo thư thái, khi nói không ngoái nhìn ra sau.
59. Da mặt trơn láng không vết nhăn.
60. Nước da sạch sẽ không mùi hôi bẩn.
61. Các lỗ chân lông thoáng ra hương thơm.
62. Miệng tỏa mùi hương thanh khiết.
63. Thân tướng đầy đặn đẹp đẽ.

64. Lòng trên mình sạch sẽ sanh biếc như khổng tước.
65. Pháp âm tùy chúng ẩn hiện không sai.
66. Tướng trên đỉnh không ai nhìn thấy.
67. Đường khu ốc trên ngón tay chân đều rõ ràng .
68. Lúc đi chân cách đất, bốn ngón tay mà hiện dấu chân.
69. Tự giữ gìn không nhờ người che chở.
70. Uy đức bao trùm tất cả. Người ác nhìn thấy đều vui mừng.
Người bị làm sợ hãi được an ổn.
71. Âm thanh tùy theo chúng hữu tình. Không cao không thấp, ý hòa nhã vui vẻ nói.
72. Chỉ dùng một âm ngữ nói pháp mà tất cả chúng hữu tình đều lãnh hội.
73. Âm thanh vừa với sự tiếp nhận của mỗi người.
74. Nói pháp đều tùy theo thứ lớp, không nói lời bất thiện.
75. Quán xét các loài hữu tình mà khen việc thiện, chê việc xấu mà không có yêu ghét.
76. Làm việc gì Phật cũng trước quán sát rồi mới làm khuôn phép đầy đủ để người biết sự thiện tịnh.
77. Tướng tốt của Phật, tất cả hữu tình không thể thấy hết.
78. Xương đỉnh cứng chắc tròn đầy.
79. Dung nhan thường trẻ trung không già.
80. Tay chân và trước ngực đều có tướng tốt xoay vần, có đường hoa văn, sắc loại màu son.

Thiện Hiện! Đó là tám mươi tướng tốt. Như Lai đặc quả Chánh đẳng Chánh giác thành tựu tám mươi vẻ đẹp này. Thân tướng Như Lai tỏa sáng chiếu khắp thế giới tam thiên chướng nơi nào không sáng. Nếu khi tác ý thì chiếu khắp vô lượng vô biên vô số thế giới. Nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng hữu tình, nên Phật thu nhiếp ánh sáng ở trên mặt, chiếu xa một tầm. Nếu tỏa sáng ra cả thân thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng không còn tác dụng, chúng sanh sẽ không còn biết ngày đêm năm tháng giờ giấc, không thể thành tựu các công việc. Âm thanh của Phật vận dụng có thể vang xa khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Nếu tác ý thì sẽ biến khắp cả vô lượng vô biên vô số thế giới. Nhưng vì muốn lợi lạc chúng hữu tình. Nên tùy theo lượng mà không thêm không bớt. Thiện Hiện! Công đức như thế lợi ích rất cao quý, khi Ta còn hành đạo Bồ-tát, tu Bát-nhã ba-la-mật đã thành tựu được việc này. Nay tướng tốt đã trang nghiêm tròn đầy. Tất cả chúng hữu tình đều khen ngợi vui mừng được an lạc lợi ích thù thắng. Nay Thiện Hiện! Như thế Đại Bồ-

tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa. Có thể dùng hai thứ tài pháp bố thí cho tất cả chúng hữu tình. Thật là pháp rất ít có. Ba mươi hai tướng do hành trì năm thứ tu:

1. Phát tâm.
2. Thời gian dài.
3. Không gián cách.
4. Ân trọng.
5. Cảm đắc quả Vô dư.

Như luận Du-già quyển ba mươi bảy chép: Mười tám pháp Bất cộng dùng năm môn để phân biệt:

1. Danh;
2. Thể;
3. Hành tướng;
4. Khác nhau;
5. Các môn.

Danh là:

1. Thân không lầm lỗi.
2. Không nói lời hung bạo.
3. Không có các tướng.
4. Không có tâm bất định.
5. Không quên mất niệm.
6. Không bất trạch xả.
7. Dục vô giảm.
8. Niệm vô giảm.
9. Tinh tấn vô giảm.
10. Định vô giảm.
11. Tuệ vô giảm.
12. Giải thoát vô giảm.
13. Thân nghiệp thực hành theo trí tuệ .
14. Ngữ nghiệp thực hành theo trí tuệ .
15. Ý nghiệp thực hành theo trí tuệ .
16. Biết đời quá khứ, không trước không trở ngại.
17. Biết đời vị lai không mê đắm, không trở ngại.
18. Biết đời hiện tại không mê đắm, không trở ngại.

Đây là dùng tám pháp: Tư, tưởng, dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, cần làm thể. Trong số Vô cấu xưng quyển thứ hai giải thích rõ ràng. Người Nhị thừa không có pháp bất cộng .

Luận chép: Hai bài kệ trên nói về nghĩa gì? Xá-lợi-phất tự trách

mình không gặp chư Phật. Không đến chỗ Phật nghe pháp. Không cung kính cúng dường chư Phật, không làm việc lợi ích chúng sanh, chưa đắc được pháp đã lui sụt, thế nên Xá-lợi-phất tự trách thân mình.

Trên là giải thích ý tự quả trách. Ở dưới là nói tự nhắc lại giải thích ý tự trách và văn kinh tụng. Hợp cả hai lại giải thích thì có tám câu. Trong đó năm câu giải thích lời tự trách. Ba câu còn lại giải thích nghĩa kinh tụng.

Không thấy: Là không thấy tướng bậc Đại nhân Chư Phật Như Lai mà sanh tâm cung kính cúng dường. Tự quả trách không tu nhân Đại thừa, nên không thể thấy tướng của chư Phật, để cung kính cúng dường.

Không đến: Là chỉ rõ năng lực giáo hóa chúng sanh ở hiện tại của Phật, có khả năng hóa độ chúng sanh, mà con không đến chỗ Phật. Hai câu trên là giải thích lời tự trách.

Ánh sáng sắc vàng là thấy tự thân dị thân của Phật đắc vô lượng công đức. Đây là giải thích trong kinh nói sắc vàng: Do thấy Phật, nên thân con đối với thân khác được vô lượng công đức quả.

Nghe là có khả năng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Đây là giải thích lời tự trách không nghe nói. Nếu nghe thì có thể làm các việc lợi sanh.

Lực: Là có chúng sanh nghi y theo mười lực dứt nghi. Đây giải thích trong văn kinh nói Thập lực cúng dường là nói về lực giáo hóa chúng sanh. Đây giải thích lời tự trách không cúng dường chư Phật. Phật có thể hóa độ chúng sanh, chúng con nên cúng dường, mà xưa vì sao không cúng dường.

Mười tám pháp bất cộng: Xa lìa các chướng ngại. Đây giải thích nghĩa mười tám pháp bất cộng trong hàng tụng.

Cung kính: Sanh vô lượng phước đức. Y theo lời Như Lai dạy mà được giải thoát, chứng đắc các pháp người, pháp vô ngã bình đẳng. Đây giải thích phần tự trách nói không cung kính. Nếu cung kính thì sanh ra vô lượng phước đức, chứng pháp bình đẳng. Cho nên tự trách từ xưa đến nay chưa đắc pháp này, nên đối với pháp này sanh tâm lui sụt. Đó gọi là mất đại pháp mà khởi lời than trách.

- Kinh: “Con ở nơi kinh hành cho đến chính con tự khinh đối”

- Tán: Danh lợi đức cao rộng, tự xem thường mình nên thường suy nghĩ đã mất đi công đức này của Phật mà không dám cầu Đại thừa. Tự lừa dối mình nên cho đắc Tiểu thừa là đủ.

- Kinh: “Con thường trong ngày đêm cho đến suy xét việc như

thế.”

- Tán: Nói tự khởi trách than.

Hàng tụng đầu: “Muốn hỏi Phật, là mất Đại thừa hay không ?”

Hàng tụng sau giải thích nghi: “Con thường thấy Phật, chỉ khen ngợi Bồ tát” mà không khen con, vì thế nghi phát sanh nên suy xét việc này.

- Kinh: “Nay nghe tiếng Đức Phật nói cho đến khiến chúng đến đạo tràng cho đến”

- Tán: Đây trở xuống mười bốn hàng, tụng về vui mừng, nay nghe pháp liền dứt hết lo buồn. Trong đây chia làm hai: Mười hai hàng rưỡi đầu tụng về dứt nghi hối. Một hàng rưỡi tụng rất được an ổn. Phần đầu lại có hai:

- Năm hàng tụng hối hận xưa đã hết.

- Bảy hàng rưỡi sau là tụng về nghi bây giờ chẳng còn.

Năm hàng đầu lại có hai: Một hàng nêu lý do dứt hối. Bốn hàng sau chính là nói việc dứt trừ.

Do nghe âm thanh Phật tùy nghi nói pháp, ý thú khó biết, vô lậu khó nghĩ bàn, sở đắc khó giải. Khiến cho chúng Nhị thừa bỏ giáo tùy nghi, đạt đến pháp sâu mầu mà Phật đã chứng đắc ở đạo tràng, nên hối đã dứt gọi là vô lậu.

- Kinh: “Con xưa chấp tà kiến cho đến được chứng pháp không cho đến”

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng là dứt hối.

Chia làm hai: Một hàng rưỡi là nói việc bỏ tà về chánh. Hai hàng rưỡi là nói nay biết Tiểu để hướng Đại.

Trong Bốn sự nói: Ngoại đạo San-xà-da thống lãnh một trăm môn đồ, sau quy y Phật xuất gia tu chứng lý nhân không đắc quả A-la-hán, xưng là thầy Phạm chí. Gọi đó là bỏ tà đắc chứng được pháp không.

- Kinh: Bấy giờ tâm tự như cho đến chẳng phải thật diệt độ cho đến”

- Tán: Trở xuống hai hàng rưỡi tụng là nói nay biết Tiểu để hướng Đại. Chia làm hai:

- Một hàng tụng biết Tiểu.

- Một hàng rưỡi biết Đại thật.

Xưa không biết cho là thật diệt độ.

- Kinh: “Nếu lúc được thành Phật cho đến hết hủ không còn”.

- Tán: Biết đại là thật diệt độ. Khi đắc quả thành Phật, trong đầy đủ các tướng tốt, ngoài được chúng sanh quy kính, mới xa lìa hai thứ

sanh tử, lại không còn hữu lậu. Cho nên biết Đại thừa là chân thật diệt.

- Kinh: “Phật ở trong đại chúng cho đến nghi hối đều đã trừ.”

- Tán: Trở xuống bảy hàng rười tụng “Nghi nay đã hết”. Chia làm hai: Một hàng tụng tổng kết hối ở trước đã hết, là lý do để dứt nghi sau. Sáu hàng rười chính giải thích về dứt nghi.

- Kinh: “Trước nghe Phật nói pháp... cho là ma làm ra!”

- Tán: Sáu hàng tụng rười chính giải thích về dứt nghi. Lại chia làm hai:

Một hàng đầu tụng nêu lý do sanh nghi.

Năm hàng tụng rười chính giải thích dứt nghi. Xưa Phật nói Ba thừa cho đến chúng con đã được rồi”. Nay nói là một thừa cùng xưa nói trái ngược. Nói pháp con sở đắc chẳng phải là thật quả diệt. Cho nên trong tâm kinh nghi, cho Phật là ma làm não loạn lòng ta. Nghi này đối với sự thì gọi là dị thực sanh, không nghi ở lý nên không phải là phiền não. Hoặc ưu trước cùng với, nghi khởi, chẳng phải ngài Thu Tử còn ưu tư nghi ngờ.

- Kinh: “Phật dùng các thứ duyên cho đến cho là ma làm ra”

- Tán: Năm hàng tụng rười, giải thích nghi hết. Có bốn phần:

- Một hàng tụng Phật khéo nói, an tâm, nên dứt đoạn.

- Hai hàng tụng nói Phật ba đời cùng nói phương tiện, nên dứt đoạn.

- Một hàng tụng giải thích Phật nói đồng, nên dứt đoạn.

- Một hàng tụng rười biết Phật khác nhau với ma, nên dứt đoạn.

Phật nói có hai: Một là pháp nói. Hai là dụ nói.

Các thứ duyên là đạo lý pháp nói. Các thứ thí dụ là nói so sánh. Ngoài hiện ra hai lời khéo léo này để nói pháp. Bên trong an ổn vững chắc bất động như biển, cho nên dứt nghi. Dùng ngôn từ không khéo lý là dụ trái với tông. Tâm có dao động, trí mê chân cảnh, trong ngoài có trở ngại nghi ngờ khó dứt trừ. Nay thì không đúng, cho nên dứt đoạn.

- Kinh: “Phật nói thời quá khứ cho đến Giảng nói pháp như thế.”

- Tán: Ở Đây nói chư Phật ba đời đồng nói phương tiện, cho nên dứt đoạn.

Hàng đầu tụng về Phật quá khứ, hàng sau tụng về Phật vị lai và hiện tại. Đầu tiên nói phương tiện, sau mới nói chân thật. Tức là lãnh hội Chư Phật ba đời đồng nói như trước. Chúng nghe nói đạo trái xưa nên khởi nghi. Các bậc Thánh cùng có phương pháp ấy nên nay dứt nghi .

- Kinh: “Như nay Đức Thế tôn cho đến Cũng dùng phương tiện nói.”

- Tán: Đây giải thích các Phật nói, đồng nhau cho nên dứt đoạn. Từ khi sanh và xuất gia là thân phương tiện. Đắc đạo là ý phương tiện. Xoay bánh xe là ngữ phương tiện. Đầu tiên nói Ba thừa đồng với Chư Phật ba đời đã dạy, cho nên nói cũng dùng phương tiện mà nói pháp. Ba nghiệp trái ngược khiến cho khởi nghi. Sắc tâm cùng thuận nên nghi dứt. Lại đầu cuối trái ngược thì nghi liền khởi. Trước sau nói thuận, cho nên dứt nghi.

- Kinh: Thế tôn nói thật đạo cho đến Cho là ma làm ra.”

- Tán: Biết đạo tích của Phật và ma khác nhau, cho nên nghi dứt, ma thì nói trái với chân lý, cho nên nghi khởi. Phật nói thuận diệu lý nên dứt nghi.

- Kinh: “Nghe tiếng Phật mềm mỏng cho đến An trụ trong thật trí.”

- Tán: Một hàng rười này hợp thành mười bốn hàng tụng nói nay ưa nghe pháp mà diệt ưu não: Mười hai hàng rười tụng trên là đã dứt nghi hối. Một hàng rười tụng này nói rất được an ổn. Đem lòng từ bi tiếp dẫn nên nói lời mềm mỏng, như chớp ẩn giấu sấm để nói lý diệu huyền nên gọi là thâm viển (xa xôi), như tiếng Ca-lăng đáng yêu thích nên nói là rất mâu nhiệm, lìa danh lợi cùng các việc tạp uế, nói nghĩa Nhất thừa nên gọi là diễn xương pháp thanh tịnh. Sương có là tùy thích nghĩa xa, nghĩa rõ. Tâm đã vui mừng, nghi hối dứt hẳn tâm xưa ở quyền, nay trí trụ ở thật. Thật nghĩa là Nhất thừa. Nay là chỗ cầu chứng, quyền là xưa vì Nhị thừa mà dùng phương tiện.

- Kinh: “Ta chắc chắn thành Phật cho đến giáo hóa các Bồ-tát.”

- Tán: Đây là hàng tụng thứ tư: Biết là Phật tử nên đạo thành. Nay ta là Phật tử sẽ thành Bồ-tát, từ ngôn giáo Đại thừa của Phật sanh ra. Đã tu nhân đại thì chắc chắn sẽ thành Phật. Ngoài được trời người cung kính có thể xoay bánh xe Vô thượng. Rốt ráo chỉ nói Nhất thừa nên có thể giáo hóa Bồ-tát.

- Kinh: “Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến theo ta thọ học.”

- Tán: Từ châu thứ nhất trở xuống đến châu thứ ba là lời Như Lai thuật lại thành tựu. Cũng như trong phẩm Dược Thảo Dụ Trùng thuật lại thành tựu. Ở đây chia làm ba: Đầu tiên trình bày việc gặp Phật trước kia. Kế là thuật lại việc gặp gỡ bây giờ. Sau là y theo trước mà nói thật.

Đây là phần đầu. “Từng ở chỗ hai muôn ức Đức Phật thường dùng

đạo Vô thượng giáo hóa cho các thầy”.

Trong giới kinh Ưu-ba-tắc chép: Xá-lợi-phất từng có sáu mươi kiếp thực hành Bồ-tát đạo. Có Bà-la-môn đến xin mắt, Thu Tử bèn cho. Người kia vứt đôi mắt xuống đất rồi đập lên, mắng chửi rồi bỏ đi. Ngài Thu Tử hối hận liền tâm lui sụt Đại thừa. Đây là nói hai muôn Phật sở dĩ làm bạn lành thường giáo hóa Đại thừa. Thu Tử lúc ấy cũng được Phật giáo hóa.

- Kinh: “Ta dùng phương tiện... sanh trong pháp ta.”

- Tán: Đây thuật lại việc gặp Phật bây giờ. Sau khi lui sụt đại tâm. Phật biết ông sợ pháp đại, tình chấp vào tiểu quả, nên giáo hóa Thanh văn khiến cho chứng pháp vô học, tạm dẫn dụ gọi đó là phương tiện, để chứng lý sanh không khởi trí vô lậu, trụ vào Phật pháp nên gọi là trong pháp ta. Từ trong pháp Phật sanh ra như thế mới gọi là sanh chân thật.

Vả lại như Thu Tử tánh lui sụt là tánh Đại thừa gần sanh ra mà thuần thực còn xa, cho nên người sơ phát tâm Đại thừa giữa đường lui sụt. Hàng Tiểu tánh thừa gần thuần thực mà còn xa lại sanh tánh Đại, nên giữa đường phát tâm Tiểu thừa mà chứng tiểu quả. Đầu tiên dạy ý Đại thừa để chứng nhân thật người giữa đường cầu chứng tiểu quả thì vì khiến bỏ dần phương tiện.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến đã đắc diệt độ.”

- Tán: Lại khiến y theo trước kia mà giữ thật. Đây chia hai:

1. Phát khởi ý thật. Vì tu quyền mà quên thật.

2. Làm cho nhớ lại bốn tâm. Nói Pháp Hoa nhắc lại căn bốn. “Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo”, là nêu ra ý thật. “Nay ông đều quên mà cho là đã được diệt độ.” Vì tu quyền mà quên thật chưa chứng quả Thanh văn trước, chưa đắc trí vô lậu tức mạng. Tuy trải qua sáu mươi kiếp luyện căn đắc trí vô lậu tức mạng của Thanh văn, biết đã gần đạo. Xưa từng tu Đại thừa nhưng nay ông đều quên, nên cho sở đắc là thật diệt độ, mà không chịu tiến tu”.

Trong phần chỉnh ở quyển trước có nói: Đời đời đã từng thọ hóa với Phật. Nay nói quên, trong đây có bốn lời giải:

1. Là tự nhớ theo Phật tu Tiểu thừa, còn Phật nói Đại thừa thì đều quên mất.

2. Phật đầu tiên dạy Đại thừa, nay đều quên mất. Tự nhớ giữa đường được giáo hóa học theo Tiểu thừa.

3. Ngài Thu Tử nhớ mà người khác không nhớ. Nay nhờ Thu tử nhớ để nói với người khác, nên nói đều quên.

4. Trước nói Phật che chở cho nên nhớ. Nay bàn về tự tâm mình

nên quên, cũng không trái nhau.

- Kinh “Ta nay lại muốn cho đến Phật hộ niệm.”

- Tán: Khiến nhớ lại bốn tâm mà Phật nói kinh Pháp Hoa để phục hồi bốn nguyện của chúng. Đầu tiên hóa độ tiểu căn hướng đại gọi là vì Thanh văn mà nói kinh Đại thừa Diệu pháp liên hoa. Sau khi đã hồi tâm thì gọi là giáo pháp Bồ-tát Phật sở hộ niệm. Cho nên biết Diệu pháp liên hoa ngoài ra cũng gọi là tên khác Vô lượng nghĩa, nhưng công năng thể tánh có khác, đối cơ hiển lý có khác, nên chia làm hai kinh đó thôi, như trong quyển đầu có nói.

- Kinh: “Xá-lợi-phất.. đạ o sở hành.”

- Tán: Là đoạn thứ tư trong châu thứ nhất Phật vì thọ ký Thu tư. Đây có hai:

1. Thọ ký.
2. Trời người cúng dường khen ngợi hồi hướng.

Thọ ký có hai phần:

1. Nói việc thọ ký.
2. Một hàng tụng kết lại khiến cho đại chúng vui mừng.

Văn đầu lại có hai:

1. Thọ ký nhân .
2. Thọ ký quả .

Trong phần đầu lại có bốn:

1. Thời gian trải qua vô biên kiếp.
2. Ngoài gặp duyên lành, gặp được biết bao vị Phật.
3. Phụng trì chánh pháp.
4. Hành đầy đủ lợi sanh.

Phải nhân hành mãn quả mới viên thành. Chưa nhập vào thập tín còn cách hai muôn kiếp. Hướng chi khi mới khởi tâm thì thời gian rất xa. Thế nên ở phần một này trước nói về nhiều kiếp mới được gặp Phật, mới thể nhập vào đại kiếp tu trì chánh pháp.

- Kinh: “Sẽ được thành Phật cho đến Phật Thế tôn”.

- Tán: Nói về quả ký. Có hai:

1. Văn xuôi.
2. Kệ Tụng.

Văn xuôi có sáu:

1. Đức bên trong tròn đầy thành tựu.
2. Cõi nước bên ngoài trang nghiêm.
3. Nói pháp đồng như ngày nay.
4. Kiếp tên Dị tức.

5. Phụ giúp hơn kém.

6. Pháp trụ lâu mau.

Mắt thấy trời mưa hoa, Phật phát ra ánh sáng. Tai nghe kinh Pháp Hoa ánh sáng trí.

Lại bên ngoài thì lãnh hội bí pháp, bên trong phát ra trí quang, do hai nghĩa này mà gọi là Hoa Quang. Hễ ghi nhận Phật danh lý không y cứ một. Lại như Phật Thích-ca, Di-lặc do thấy Phật kia mà cho là tên. Thu Tử đầu tiên mượn sự thấy nghe mà đặt tên. Trong Luận Trí độ chép: Ba trăm Tỳ-kheo cõi y dâng lên Phật, đưa tay ra làm tướng, nên được ghi là Đại tướng Như Lai. Lại có ngàn vị Thiên tử thấy cõi nước Phật trang nghiêm vương. Lại trong phẩm Thiệt tướng kia có mười muôn ức người thấy mười phương Bồ-tát đến dâng hoa cúng dường, phát tâm mà được Phật thọ ký là Phật Giác Hoa. Kiếp tên là Hoa Tích. Các thứ như vậy không thể y cứ một. Hoặc đây do lúc đầu gặp Phật, sau khi gặp duyên này phù hợp với bốn nguyện.

Thọ ký lược chia làm sáu môn :

1. Lý do thọ ký.
2. Ai có thể thọ ký (năng thọ kí).
3. Ai được thọ ký. (sở thọ kí)
4. Thọ ký khác nhau.
5. Giải thích chương ngại.
6. Thanh văn dị loại.

Lý do thọ ký lược có năm nghĩa:

1. Luận chép: Vì sanh tâm Thanh văn chắc chắn, nên chẳng thành tựu pháp tánh, chẳng phải đã chứng đắc nhị không pháp tánh, mà vì thọ ký, khiến sanh tâm chắc chắn hướng về Đại thừa nên Phật vì thọ kí.

2. Luận chép: Hiển bày tánh pháp thân bình đẳng của Phật; hữu vi có khác nên nói Ba thừa. Chân lý đã đồng thì pháp thân không khác.

3. Trừ tâm Bồ-tát lâu nay đã nghi Thanh văn không được thọ kí thành Phật, nay nghe thọ ký nên nghi lâu kia cũng hết.

4. Ưu thích thành Phật, vì thấy việc thọ ký này, vui vì từ nay sẽ hành trì nhân thành Phật.

5. Là lí do nói Nhất thừa, mười nghĩa tức là lý do thọ ký ở đây. Nói về năng thọ ký, trong đây có ba ý:

- a. Là nói sở y.
- b. Là thể thọ ký.
- c. Là dụng thọ kí.

Sở y là nói người có thể thọ ký, tức là Phật. trong kinh có sáu chỗ

thọ kí, thì năm là Phật thọ kí và một là Bồ tát thọ ký (Phẩm Thường bát khinh) Như Lai năm chỗ thọ ký là: Biệt ký. Đồng ký. Hậu ký. Vô oán ký và Thông hành ký.

Bồ-tát ký gọi là thọ ký nhân đầy đủ. Như trong phẩm Thường bát khinh nói về lễ bái khen ngợi bạch: Ta không khinh các thầy, các thầy đều sẽ thành Phật, tức chỉ rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Thọ ký danh hiệu Phật vị lai chỉ có Phật, chư Thánh không thể biết được tên danh hiệu cõi nước của chư Phật vị lai. Người dưới không thể biết việc người trên. Nếu biết hết thì Bồ-tát cũng thọ ký được, vì cũng đầy đủ nhân Phật tánh. Kinh này đã như vậy, việc thọ ký trong các bộ kinh khác cũng không qua hai bậc này.

Thế thọ ký là hậu đắc trí, thế tục trí. Dụng thọ kí là ngôn giáo, chỉ có tha thọ dụng biến hóa thân. Trong năm uẩn thì tùy theo thích ứng mà làm thế, Thập địa Bồ-tát, Ba thừa đều khác nhau.

Nói về sở thọ ký có hai:

1. Sở y.
2. Thế tánh.

Sở y tức là người được thọ ký. Luận nói có sáu nơi nói lên.

1. Là biệt ký cho bốn vị đại Thanh văn các ngài Xá-lợi-phất, Ca-diếp mọi người đều biết, danh hiệu khác nhau nên thọ ký cho riêng.

2. Đồng thọ ký cho các ngài Phú-lâu-na cùng năm trăm vị, một ngàn hai trăm vị v.v... cùng một danh hiệu, cùng thời thọ ký.

3. Hậu ký: Học vô học v.v... cùng đồng một hiệu. Tuy cũng hạ căn nhưng chúng không biết, nên thọ ký cho.

4. Vô oán ký: Thọ ký cho Bồ-đề Đạt-đa, nói về là Như Lai không có kẻ thù.

5. Thông hành ký: Cùng Tỳ-kheo ni và thiên nữ đều được thọ ký. Nói về ra thân người nữ, tại gia, xuất gia tu Bồ-tát hạnh, đều chứng quả Phật.

6. Đầy đủ nhân ký: Nói lên chúng sanh đều có Phật tánh.

Sáu pháp thọ ký này, thì Biệt ký ở trong phẩm Thí dụ và phẩm Thọ ký. Đồng ký ở trong phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký. Hậu ký thì ở trong phẩm Thọ học vô học nhân ký. Vô oán ký trong phẩm Đề-bà-đạt-đa. Thông hành ký trong phẩm Pháp sư và phẩm Trì. Đầy đủ nhân ký thì trong phẩm Thường bát khinh.

Theo lý mà suy ra thì dị sanh chưa có phát tâm và sau khi phát tâm, Nhị thừa bất định tánh, cùng các Bồ-tát bốn thứ người này đều gọi là sở thọ ký. Một hội Pháp Hoa là hóa độ xả quyền mà thành tựu thực,

không vì Thập địa Bồ-tát mà thọ ký. Luận về việc xưa, có người chưa phát tâm trước được thọ ký đầy đủ nhân riêng chỉ có phàm phu phát tâm rồi tâm, sau đó chỉ nghe Pháp Hoa thì không có một ai mà không thành Phật, và thọ ký cho Nhị thừa bất định tánh cũng không khác. Nhân thể tức là gốc lành vô lậu có cả hiện và chủng. Từ nhân được quả thể có cả năm uẩn, phần nhiều là hóa thân và tha thọ dụng thân, tức là hiển bày từ bi cho nên tạo ra đức tánh cao, có khác nhau nên có hóa chúng, các sự ký biệt bên dưới sẽ nói lên đầy đủ. Thọ ký khác nhau là: Kinh Thủ Lăng nghiêm Phật bảo Kiên Ý Bồ-tát. Thọ ký gồm có bốn thứ: Có người chưa phát tâm mà thọ ký cho. Có người vừa phát tâm liền thọ ký. Có mật thọ ký. Có đắc vô sanh pháp nhẫn mà hiện tiền thọ ký. Bốn loại này, chỉ có Như Lai có thể biết. Trong kinh Bảo vân cũng nói như thế. Kinh Du-già quyển bốn mươi sáu nói lược do sáu tướng mong cầu các Như Lai đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thọ ký riêng. Sáu tướng là:

1. An trụ chủng tánh cho người chưa phát tâm.
2. Ngồi vị đã phát tâm.
3. Vị hiện tiền.
4. Vị không hiện tiền.

Bốn tướng này đồng như trong kinh Lăng nghiêm. Mật ký kia tức đây là ở mật xứ không hiện tiền. Hoặc đắc vô sanh pháp nhẫn kia là hiện tiền đây. Người chưa đắc là không hiện tiền. Hoặc thân chỗ ngồi gọi là hiện tiền, thân không ở chỗ ngồi là không hiện tiền. Trong phần đồng ký ở quyển thứ tư dưới có người không có trong hội này.

5. Phật sai truyền ký: Có định thời hạn nghĩa là những người trong hội lúc này sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

6. Không định thời hạn là không giảng nói thời hạn chắc chắn mà thọ ký. Nay ngài Xá-lợi-phất ở trong các tướng hai, ba, và sáu. Đã phát đại tâm, hiện trụ trước Phật không nhất định thời hạn.

Kinh Niết-bàn chép: Tu-đà-hoàn thì tám muôn kiếp mới đến thành Phật. Cho đến A-la-hán hai muôn kiếp. Bích-chi-phật một muôn. Nói đến (đáo) là đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết kinh này nói kiếp là đến sơ tâm thập tín, mới vào sơ kiếp. Bồ-tát Địa chép: Lân hồi tu hành không bằng sơ tâm tu hạnh Bồ-tát, đằm trong vị vắng lặng thật là sâu nặng. Do đây nên nói quá vô lượng kiếp mới cúng dường biết bao ngàn muôn ức Phật hành Bồ-tát đạo. Có ba chắc chắn:

1. Chủng tánh định: Gặp duyên liền có thể chứng Chánh giác.
2. Phát tâm định: Phát đại tâm rồi thì không lui sụt.

3. Bất hư hành định: Đắc tự tại rồi, làm lợi ích chúng hữu tình, quyết không luống qua.

Đầu tiên ở Địa tiền, phát tâm Bồ-đề trong năm thứ Bồ-đề.

Kế đến là sơ địa chứng phát tâm.

Cuối cùng là ở Bát địa.

Nay y theo chủng tánh đầu nên thọ ký cho .

Giải thích các chương nạn là: Luận nói Thanh văn kia là thật thành Phật, cho nên thọ ký riêng. Vì không thành Phật mà cùng thọ ký.

Nếu thật thành Phật thì vì sao Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp tu tập vô lượng công đức. Nếu không thành Phật thì sao lại thọ ký luống dối. Ý này muốn hỏi. Nếu Thanh văn chỉ trụ vào trăm kiếp luyện căn tu hạnh Thanh văn, thì thật được thành Phật và được thọ ký. Bồ-tát vì sao ở trong vô lượng kiếp, tu tập vô lượng công đức mới thành Bồ-đề Phật. Tu một ít nhân đã có thể thành Phật đó, nếu Thanh văn tu ít nhân mà không thành Phật, thì sao nay phải thọ ký luống dối?

Luận tự đáp:

Người Thanh văn được thọ ký đó là đắc tâm chắc chắn chẳng phải thành tựu pháp tánh. Ý này nói là: Nay Thanh văn đắc tâm chắc chắn thành Phật, tiến tu diệu hạnh, chẳng phải đã chứng hội nhập, thành tựu chân lý pháp tánh nhị không mà thọ ký cho. Luận lại giải thích: Như Lai y theo Ba thừa bình đẳng mà nói pháp Nhất thừa. Vì pháp thân Như Lai và pháp thân Thanh văn kia không khác. Cho thọ ký chẳng phải là có đầy đủ công đức tu hành, cho nên thọ ký cho.

Thập địa Bồ-tát thành tựu pháp cho nên công đức đầy đủ, các Thanh văn thì công đức chưa đầy đủ. Vì thế, Bồ-tát tu vô lượng kiếp mới đắc Bồ-đề. Thanh văn chưa tu vô lượng công đức, chỉ khiến được tâm chắc chắn thành Phật, nên thọ ký cho.

Hỏi: Thanh văn vô học thì vĩnh viễn đoạn hậu hữu. Vì sao lại thọ ký trải qua ba đại kiếp sẽ được Bồ-đề?

Đáp: Trong luận Hiển dương chép: Y theo thân biến hóa chẳng phải là thân nghiệp quả, nên không trái lý.

Thành Duy thức chép: là tên khác của sanh tử biến dịch . Ý này nói: Trước chưa phát tâm thì thân hiện có hạn. Do sau khi thọ ký phát đại thệ nguyện cầu đại Bồ-đề sau đó độ chúng hữu tình, bèn nhập vào bờ mé vô lậu thắng định, nhờ việc làm xưa mà cảm thân nghiệp nay, khiến cho nhiều đời cho quả không dứt. Từ quả này trợ giúp nghiệp, lại do vô lậu trợ giúp, lần lần chuyển từ dị thực thô cũ thành mầu nhiệm. Về sau, sự nhỏ nhiệm càng rộng lớn, thù diệu khác với xưa cũng như là

biến hóa. Do biến dịch này khác với lúc trước nên gọi là sanh tử biến dịch, thường giúp sức thêm lớn cho đến thành Phật. Bởi vì, phần đoạn sanh tử kia tuy đã đoạn vĩnh viễn, như nói đã qua ba trăm do-tuần rồi hóa làm một thành mà biến dịch chưa hết, nên lại nói còn hai trăm do-tuần nữa mới đến Đảo châu báu. Phần đoạn sanh tử tuy đã đoạn tận, nhưng thọ biến dịch sanh tử cho đến thành Phật. Thanh văn hưởng về tịch diệt thì không có việc này. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Vô minh trụ địa là duyên, nghiệp vô lậu là nhân. Có A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát Đại lực ba thứ ý sanh thân. Điều này có nói đầy đủ trong các chương của Du-già Phật địa và Duy thức.

Thanh văn loại khác: Luận nói Thanh văn có bốn:

1. Chắc chắn.
2. Tăng thượng mạn.
3. Lui sụt tâm Bồ-đề.
4. Ứng hóa.

Như Lai thọ ký cho hai hạng người là ứng hóa và người lui sụt tâm Bồ-đề. Trừ người chắc chắn và tăng thượng mạn vì căn chưa thuần thực nên Như Lai không thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho đó là phương tiện khiến cho phát tâm, như Thường bất khinh thọ ký. Đây nói chưa thuần thực đó là hạng tăng thượng mạn có thể được. Hạng người hưởng về tịch diệt cuối cùng không thuần thực sao nói là chưa? Vì chưa có nghĩa là không. Theo lý chính xác nên nói người hưởng về vắng lặng không mê mờ pháp, mà tín căn chưa thuần thực nên Phật không thọ ký, không thọ ký rõ ràng đời sau thành Phật. Bồ-tát thọ ký cho là bao gồm biệt ký có lý Phật tánh, phương tiện để họ phát tâm tin Đại thừa. Người tăng thượng mạn tin hưởng đến mà căn chưa thuần thực. Phật cũng không thọ ký rõ ràng riêng việc thành Phật ở đương lai. Bồ-tát cũng vì bao gồm biệt ký, phương tiện để họ phát tâm tin hưởng. Nay hợp lại thành văn nói: Căn chưa thuần thực, không phải người hưởng cầu vắng lặng tương lai cũng được thành Phật.

Luận Trang Nghiêm chép: Gốc lành của người khác, khi Niết-bàn hết, còn gốc lành của Bồ-tát không như vậy. Trong kinh Niết-bàn chép: người Tu-đà-hoàn cho đến đều được thành Phật gọi là không giải được ý ta. Cho nên biết người hưởng tịch thì nhất định không thành Phật.

Hạng ứng hóa Thanh văn có người nói như ngài Xá-lợi-phất. Bốn đại Thanh văn là hạng thượng căn, năm trăm đệ tử là trung căn, người học vô học là hạ căn. Nay giải thích không như. Đầu kinh Hoa nghiêm nói ngài Xá-lợi-phất là ứng hóa. Sau ở phẩm Nhập pháp giới, Ngài

Xá-lợi-phất dẫn sáu ngàn đệ tử từ trong phòng đi ra, Văn-thù-sư-lợi nói cho họ nghe mười pháp, bèn phát tâm Bồ-đề. Tức trong đây được thọ ký thì chẳng phải là ứng hóa. Một mình Ngài Xá-lợi-phất là Thanh văn thượng căn. Bốn đại Thanh văn là trung căn, năm trăm đệ tử là hạ căn. Xét theo kinh dưới nói Phú-lâu-na là người ứng hóa trong hội Pháp Hoa này, Như trong mười nghĩa Nhất thừa của nghiệp luận giải thích ứng hóa, cũng đồng như kinh Lăng-già. Thanh văn nhiều kiếp nhập Niết-bàn uống rượu Tam muội say sưa nằm ngủ, sau từ định tỉnh dậy phát tâm hướng về đại. Đó chính là chư Phật Bồ-tát hóa thành để dẫn dắt chúng sanh khác.

- Kinh: Nước tên Ly-cầu cho đến trời người rất đông.”

- Tán: Phần hai nói bên ngoài cõi nước trang nghiêm, hóa thành cõi tịnh. Văn có mười nghĩa. Trong đây có năm:

1. Nước tên Ly-cầu là cõi thuần thiện, không chiêu cảm sáu cấu.

2. Người ở cõi nước đó tâm bình đẳng, lia hết cao mạn. Đối với hai thứ hơn kém không sợ hãi không khinh thường, lia tâm siểm mạn.

3. Tịnh uế: Cõi này vì tâm chúng sanh tô điểm thanh tịnh nên cõi Phật tịnh.

4. Là nơi an lành yên ổn, đầy vui sướng không có nạn sát đạo, các việc binh đao, bệnh tật, đánh mắng, đói khát..

5. Trời người thiện ác lừng lẫy: Do bên ngoài không có bạn ác tri thức, phiền não phân biệt tất cả, không hiện hành nên không có đường ác, nên trời người rất đông.

- Kinh: “Đất bằng Lưu lý cho đến thường có hoa quả.”

- Tán: Văn này có năm:

6. Là lưu ly tô điểm làm đất, tâm không lầm lỗi.

7. Mặt đất có tám giao lộ: Tu bát trai giới và bát Thánh đạo. Đông Tây có bốn, Nam Bắc có bốn nên gọi là tám đường giao thông. Hoặc Đông Tây có tám, Nam Bắc cũng tám. Từ một phương mà đặt tên, hoặc con đường của tám phương nên nói tám đường giao thông.

8. Đường trang nghiêm bằng dây vàng là đạo hạnh sở cảm của bốn tổng trì.

9. Rừng cây bảy báu thành hàng, là tu bảy thánh tài trì bảy chi giới.

10. Thường có hoa quả, thường tu bảy giác, tám giải thoát, Nhân đó mà thêm lớn.

- Kinh: “Hoa Quang Như Lai cho đến giáo hóa chúng sanh.”

- Tán: Phần ba nói pháp đồng, nay có hai:

1. Là nói đồng với nay.
2. Giải thích vì sao?

Ở đây nói phần một. Vì đồng với nay cho nên gọi là “cũng dùng, tuy chẳng phải đời ác, cũng chẳng phải cõi uế đã nói thanh tịnh tức rõ là hóa cõi tịnh.

Nói thanh tịnh là nói hóa Tịnh độ.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến nói pháp Ba thừa”
- Tán: Đây giải thích lý do.

Y cứ vào thật pháp thì Phật Thích-ca cũng do bốn nguyện. Nay ẩn nguyện lực, chỉ xuất hiện ra đời ác. Muốn nói chư Phật hành lợi bất đồng. Ta ra đời ác vì muốn giáo hóa chúng sanh, đầu tiên thì dùng phương tiện, sau dùng chân thật, cho nên lấy Ba thừa. Hoa Quang Như Lai nguyện ý đều giúp khắp. Cho nên chỉ xưng bốn nguyện như thế. Muốn chúng sanh biết ở thời Đức Phật kia, không có chúng sanh tội ác phát nguyện sanh về đó. Thuận theo bốn nguyện tập điều phục Nhị thừa nên nói pháp Ba thừa chẳng phải hóa độ chúng sanh ác, đầu tiên quyền biến sau nói thật.

- Kinh: “Kiếp ấy gọi là cho đến là Đại bảo”.

- Tán: Phần thứ tư nói, tên kiếp có khác nhau. đầu tiên là nêu, sau giải thích.

- Kinh “Các Bồ-tát kia cho đến không thể biết.”

- Tán: Thứ năm là phụ giúp hơn kém. Có hai:

1. Giải thích riêng về đức.
2. Tổng kết.

Trong văn đầu có mười. Đây có một đức là cácThánh khó lường như gỗ chiêm-đàn, vườn chiêm-đàn.

- Kinh: “Nếu lúc muốn đi cho đến đều đã trồng cội đức từ lâu “.

- Tán: Đây có hai đức: Một là điềm lành thích ứng đầy đủ, có chín hoa thanh tịnh thường nâng đỡ tâm.

Luận Hiển dương quyển ba chép: Chín thứ thanh tịnh:

1. Giới tịnh.
2. Tâm tịnh.
3. Kiến tịnh.
4. Độ nghi tịnh.
5. Đạo phi đạo trí kiến tịnh.
6. Hành tri kiến tịnh.
7. Hành đoạn tri kiến tịnh.
8. Vô duyên vắng lặng tịnh.

9. Cõi nước tịnh.

Bấy tịnh trước tức là bấy tịnh hoa, như đã nói.

Ba là Diệu nhân gieo trồng rất lâu chẳng phải mới phát tâm, mà gốc lành thuần thực.

- Kinh: “Trong vô lượng trăm ngàn cho đến chỗ xưng tán.”

- Tán: Đây có hai đức.

Bốn là xưa gặp thiện duyên mà phát đại nguyện.

Năm là danh tiếng bay xa mọi người đều biết.

- Kinh: “Thường tu Phật tuệ cho đến các pháp môn.”

- Tán: Ở đây có ba đức.

Sáu là thường cầu Phật trí, mong cầu đại giác.

Bảy là ngoại hóa lâu xa thành tựu, đầy đủ đức từ bi.

Tám là bên trong quán xét đầy đủ việc này không có mê lầm, là môn giáo của pháp nghĩa, hoặc môn nghĩa pháp giáo, hai cách giải thích này đều được.

- Kinh: “Ngay thẳng không tà ngụy, chí niệm vững chắc.”

- Tán: Ở đây có hai đức.

Một là tánh thuần thực không kiêu ngạo, không lừa dối.

Hai là tâm siêng năng không thối hạnh vị cao.

Tâm ngay thẳng là đạo tràng, chỗ chất trực phiền não không làm xao động nên chí niệm vững chắc.

- Kinh: “Bồ-tát như thế đầy đủ trong nước đó”.

- Tán: Ở đây là tổng kết giải thích.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... thọ tám tiểu kiếp”.

- Tán: Thứ sáu là pháp trụ lâu mau. Có bốn:

1. Tuổi thọ của Phật.

2. Tuổi thọ chúng sanh.

3. Trao cho Phật đương lai thọ ký.

4. Thọ ký tượng pháp chánh pháp.

Ở đây nói hai phần đầu.

Chúng sanh của Phật Thích-ca bạc phước ít tuệ, tuổi thọ Phật ngắn chúng sanh tuổi thọ dài. lưu lại phần thứ năm cho đệ tử vị lai chúng sanh được Đức Hoa Quang Như Lai hóa độ, chúng sanh phước tuệ tự tu không nhờ Phật cho, nên Phật tuổi thọ dài, chúng sanh lại ngắn. Lại chúng sanh của đức Thích Ca phước mỏng không cảm được Phật nên tuổi thọ Phật ngắn, chúng sanh của Hoa Quang nhiều phước có cảm ứng nên Phật tuổi thọ dài cảm với Phật hóa.

- Kinh: “Hoa Quang Như Lai cho đến thọ ký Tam Bồ-đề.”

- Tán: Phần thứ ba trao cho Phật đương lai thọ ký:

1. Ký thời.
2. Chánh ký.
3. Cõi nước.

Đây nói phần một.

Quá mười hai kiếp đó là tuổi thọ Phật đầy đủ kiếp mới được thọ ký, tinh tấn thành tựu gọi là Kiên mẫn.

- Kinh: “Bảo các Tỳ-kheo cho đến Tam-miêu Tam Phật-đà.

- Tán: Đây chánh nói về thọ ký. Hoa tức là hoa báu nâng chân.

Do nghe Pháp Hoa làm nhân thành tựu quả Phật tròn đầy, nên gọi là Hoa tức. Do nghe Pháp Hoa thực hành hạnh an lạc nên gọi là An hạnh. Có nói nói an nhiên từ từ mà đi gọi là an hạnh. Đây không khéo giải thích, có Phật nào mà sợ hãi, lúng túng bước đi.

Đây là Đa-đà A-già-độ Như Lai, La-a-la-ha là ứng, là Tam-miêu Tam Phật-đà là Chánh đẳng giác.

Kinh tên dịch gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Xưa dịch là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

- Kinh: “Cõi nước Phật đó cũng giống như vậy.”

- Tán: Đây nói về cõi nước. Cũng như cõi nước của Hoa Quang, do thành hành Pháp Hoa mà chiêu cảm được.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... ba mươi hai tiểu kiếp.”

- Tán: Phần thứ tư thọ ký thời chánh pháp tượng pháp, như thời chánh pháp của Phật gồm có ba: Giáo, hạnh, chứng cả ba đều có đầy đủ. Thời tượng pháp chỉ có giáo, hạnh mà không chứng quả. Còn đời mạt pháp, chỉ có giáo mà hạnh, chứng đều không, việc thọ giáo, hành, hạnh, chứng quả đều khác nhau, cho nên chánh pháp của Phật Thích-ca ngắn mà tượng pháp thì dài. Nếu không độ cho người nữ, chánh pháp tượng pháp đều một ngàn năm. Do độ cho người nữ mà chánh pháp giảm phân nửa. Nay cõi Hoa quang chánh pháp tượng pháp đều bằng. Tuy có Ba thừa phần nhiều là Bồ-tát mà gọi là Đại Bảo. Tuy có bốn chúng, người nữ trì giới nên chánh pháp không bớt.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến sẽ độ vô lượng chúng”.

- Tán: Trở xuống mười một hàng rười tụng, chia làm hai:

1. Mười hàng rười tụng phần thọ ký trước.

2. Một hàng sau là phần thứ hai trong thọ ký, nên tổng kết khiến vui mừng. Nhân thọ ký trước có bốn, quả ký có sáu. Nay chia chung làm ba: Một hàng đầu tụng phần quả ký nên nội đức trang nghiêm.

Một hàng kế tụng về nhân ký. Tám hàng rười tụng bốn nghĩa quả

ký.

Phổ trí là Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, đầy đủ cả hai.

- Kinh: “Cúng dường vô lượng Phật cho đến Chứng quả Vô thượng đạo.”

- Tán: Đây tụng nhân ký. Có hai:

1. Gặp duyên lành.

2. Đây đủ đạo Bồ-tát.

Chấp cũng có thời. Quá vô lượng kiếp, nhập vào trong hàng tụng sau đây chỉ có hai.

- Kinh: “Quá vô lượng kiếp rồi cho đến Thường có hoa quả hạt.”

- Tán: Tụng về quả ký. Bốn nghĩa chia làm bốn. Nửa hàng tụng tên kiếp là Tức Dị. Một hàng rưỡi tụng cõi ngoài Trang Nghiêm. Hai hàng tụng đầu phụ giúp hơn kém. Bốn hàng rưỡi tụng tuổi thọ Phật dài ngắn. Không tụng nói pháp đồng như nay. Đây nói hai phần đầu.

Cõi ngoài trang nghiêm có sáu:

1. Danh;

2. Tịch;

3. Địa;

4. Giới;

5. Cây;

6. Hoa quả.

Không tụng bốn thứ còn lại.

- Kinh: Các Bồ-tát nước kia cho đến Phật Hoa Quang hóa độ”.

- Tán: Đây là phần phụ giúp hơn kém. Có bốn:

1. Bất thoái.

2. Ngoại hóa.

3. Gặp bạn lành.

4. Gieo trồng nhân mẫu.

Không tụng sáu phần còn lại.

- Kinh: “Phật lúc làm vương tử cho đến Tuổi thọ tám tiểu kiếp.”

- Tán: Bốn hàng rưỡi tụng Phật tuổi thọ dài ngắn có bốn: Một hàng rưỡi tụng tuổi thọ của Phật. Nửa hàng tụng tuổi thọ của người. Một hàng rưỡi tụng thời gian chánh pháp tượng pháp, giống nhau. Tụng Xá-lợi lưu hành, không tụng thọ ký, mà thêm cúng dường xá-lợi.

Đây là hai phần đầu. Trong đây nên nói: Thân cuối cùng của Phật làm vương tử, bỏ nước bỏ vinh hoa đi xuất gia tu hành thành đạo. Văn nói ngược là: Trước nói vương tử bỏ nước bỏ vinh hoa, sau mới nói hậu thân tu hành thành Phật đạo. Hoặc ý văn đều nói ở trong vô lượng sanh

thân làm vương tử, bỏ nước bỏ vinh hoa, thân cuối cùng mới thành Phật đạo.

- Kinh: “Sau khi Phật diệt độ cho đến Tượng pháp ba mươi hai.”

- Tán: Tụng thời gian của chánh pháp tượng pháp. Ngày đêm năm tháng là kiếp.

- Kinh: “Xá-lợi rộng lưu bố cho đến việc này đều như thế.”

- Tán: Tụng Xá-lợi lưu hành khắp và tụng kết lại.

- Kinh: “Lưỡng túc Thế tôn này cho đến Tuyên ưng tự vui mừng.”

- Tán: Đây là đoạn thứ hai kết hội khiến cho vui mừng. Hóa độ tâm kia chắc chắn khiến cầu quả Phật .

Luận loại. Cũng gọi là đủ, phối hợp loại. Nói lưỡng túc là tôn quý, không loại nào không phối hợp.

- Kinh: “Bấy giờ bốn bộ chúng... đem cúng dường Phật.”

- Tán: Trong phần thọ ký. Đoạn thứ hai chư thiên cúng dường khen ngợi hồi hướng. Trong đây có hai:

1) Bốn chúng tám bộ cúng dường.

2) Chư thiên cúng dường, khen ngợi. Đoạn đầu tiên biểu nhờ ơn Phật như được y của Phật che chở. Cũng trên là tiêu biểu cho khi thành quả Phật được người nói pháp che chở chúng sanh. Cho nên dùng y cúng dường. Văn dưới nói: Người trì kinh này được Phật dùng y che chở.

- Kinh: “Thích Đề Hoàn Nhân cho đến cúng dường Phật.”

- Tán: Chư thiên khen ngợi cúng dường có hai: Trước cúng dường sau khen ngợi. Phần cúng lại có hai:

1) Y cúng dường hoa .

2) Cúng dường Kỹ nhạc .

Y hoa cúng có hai:

1) Cúng dường.

2) Linh tướng hiện ra.

Đây nói phần cúng dường. Dâng hoa cúng dường là tiêu biểu cho việc nghe Pháp Hoa sẽ thành Phật đạo.

- Kinh: “Y trời tung lên cho đến mà tự xoay chuyển.”

- Tán: Đây là linh tướng, trụ trong hư không đó là hiển bày việc nghe Pháp Hoa vượt ngoài bốn loài sanh, tâm diệu lý lắng đọng. Hồi chuyển là trở lại ba cõi vì lòng từ bi thương xót chúng sanh.

- Kinh: “Các kỹ nhạc trời cho đến các hoa trời tuôn rải như mưa.”

- Tán: Đây là chư thiên dùng kỹ nhạc cúng dường. Nghe tiếng

pháp mà ngộ đạo nên trời âm nhạc. Đây tiêu biểu cho việc tu nhân đắc quả mãn, cho nên hoa tuôn rải như mưa.

- Kinh: “Mà nói rằng cho đến bánh xe pháp lớn nhất.”

- Tán: Khen ngợi có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

Trong đây chỉ nêu lại hai thời pháp luân. Để so sánh đại tiểu, đối với tánh bất định, quyền thật cùng có. Căn cứ vào thật cũng là so sánh với không giáo của Bát-nhã. Đây vì trung đạo gọi là bánh xe pháp lớn nhất.

- Kinh: “Bấy giờ các Thiên tử cho đến.. ít có người năng tín.”

- Tán: Sáu hàng tụng rưỡi chia làm bốn:

- Hai hàng tụng đầu nêu việc xưa nói Tiểu thừa, nay nói Đại thừa.

- Một hàng rưỡi khen ngợi pháp thắng diệu mà tùy hỷ.

Hai hàng tụng là nói người khác rõ tự thành Phật sanh lòng vui mừng.

Một hàng hồi hướng.

Năm nhóm: Tiếng Phạm là Bát-già-tắc-kiến-đà, dịch là năm ấm. Đây đủ nghĩa mười một loại chứa nhóm gọi là uẩn.

Nay gọi là nhóm, nhóm nghĩa là tụ. Hoặc gọi là năm ấm, đều sai với chánh văn theo tam khoa thì pháp năm uẩn là để nói về tứ đế. Cho nên biết đầu tiên nêu quyền nay đây hội đủ bỏ quyền thành tự pháp thật khó giải. Nói: “Ít người tin được.” Vì pháp ấy sâu mầu quyền thật trái nhau theo Đại Bát-nhã nói thì khi Phật nơi xoay bánh xe cả ba thừa đều nhập đạo. Nay căn cứ vào hiển tướng chỉ để độ Thanh Văn. Cho nên, nói năm chúng để nói pháp quyền. Sâu xa là bí tạng Đại thừa sâu mầu.

- Kinh: “Chúng ta từ xưa nay cho đến đều tùy hỷ.”

- Tán: Khen ngợi pháp thắng diệu, sanh sau tùy hỷ. Tùy là thuận theo, giáo pháp Phật mà thực hành.

- Kinh: “Đại trí Xá-lợi-phất cho đến phương tiện tùy nghi nói.”

- Tán: Nêu người khác, nói tự thành Phật sanh vui Phật thọ ký cho người khác thành Phật, rõ ràng chúng ta cũng được, cho nên biết Phật pháp thật không thể nghĩ bàn, Phật dùng phương tiện tùy nghi để cho ta hiểu rõ.

- Kinh: “Ta có được phước đức cho đến đều hồi hướng Phật đạo”.

- Tán: Hồi hướng Phật đạo, thành tựu pháp cúng dường Ba-la-mật.
Tức là phương tiện trí khéo léo.

